

TƯƠNG TÁC TRONG LỚP HỌC NGOẠI NGỮ
THEO QUAN ĐIỂM CỦA THUYẾT VĂN HÓA-XÃ HỘI
INTERACTIONS IN CLASSES OF FOREIGN LANGUAGES
IN THE LIGHT OF SOCIOCULTURAL THEORY

LÊ PHẠM HOÀI HƯƠNG

(PGS.TS; Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế)

TRẦN THỊ THANH THƯƠNG

(NCS; Trường Cao đẳng Kinh tế đối ngoại, TP HCM)

Abstract: Interaction is an essential component in foreign languages classes. Sociocultural theory developed by Vygotsky and his colleagues emphasizes the roles of teachers in assisting and guiding students to develop their potential in language use. Besides, peer interaction helps learners advance in their language skills and learning strategies as well as solve problems effectively. Peer scaffolding is considered to enable learners of lower level of language competence to move to higher levels. Classroom artifacts such as textbooks, computers, softwares, and other learning tools interact with learners to bring about changes in their knowledge and understanding. They also play a part in monitoring learners' behaviours and draw their attention to the assigned tasks.

Key words: classroom interactions; socio-cultural theory.

1. L.S. Vygotsky và thuyết văn hóa xã hội

L.S. Vygotsky (1896-1934) được biết đến như là một nhà tâm lý học, ngôn ngữ học và giáo dục học người Nga. Hai bộ sách *Thought and Language* (1962; Tư duy và ngôn ngữ) và *Mind in Society* (1978; Trí tuệ trong xã hội) do ông viết đã được dịch sang nhiều thứ tiếng trên thế giới. Theo tác giả Lê Phạm Hoài Hương (2011), ảnh hưởng của Vygotsky ngày nay đã lan rộng khắp toàn cầu trong các nghiên cứu đa ngành đa lĩnh vực, chẳng hạn như, tâm lý trẻ em, dạy học nói chung và dạy học ngoại ngữ nói riêng. Một trong những ảnh hưởng của Vygotsky đến các nghiên cứu trong lĩnh vực dạy học ngoại ngữ là Thuyết Văn hóa xã hội (socio-cultural theory) do ông và cộng sự đề ra. Thuyết văn hóa xã hội nhấn mạnh tương tác trong giao tiếp nhằm phát triển tư duy, xây dựng kiến thức và tiến trình suy nghĩ như giải quyết vấn đề, lập luận và tổng hợp

thông tin đối với người học. Theo quan điểm tương tác trong thuyết này, việc học diễn ra trong một môi trường không những chỉ có ngôn ngữ mà còn là sự dẫn dắt và nâng đỡ của giáo viên, bạn cùng lớp và ngay cả những tài liệu ngôn ngữ hay tạo tác văn hóa trong lớp học. Tác giả Đỗ Bá Quý (2010) đã nhận xét rằng, tương tác mang lại kiến thức xã hội, thay đổi cả nếp tư duy, lẫn hành vi của người học. Các nghiên cứu ứng dụng thuyết văn hóa xã hội thường nhằm vào mục tiêu tìm kiếm bằng chứng sự phát triển trong suy nghĩ thông qua giao tiếp giữa thầy/trò hay giữa các học viên với nhau [Van Compernelle & Williams 2013]. Trong khuôn khổ bài báo này, chúng tôi chỉ đề cập đến vấn đề tương tác trong lớp học ngoại ngữ.

2. Tương tác trong lớp học ngoại ngữ

Phạm Quang Tiếp (2013, tr. 16) cho rằng, “tương tác trong dạy học là những mối tác động qua lại chủ yếu giữa người dạy, người

học và môi trường nhằm thực hiện chức năng dạy học; được hoạch định, tổ chức và điều khiển theo đường hướng sư phạm bởi nhà giáo dục, hướng vào việc phát triển nhận thức và năng lực cho người học.” Theo quan điểm của Vygotsky (1978), tương tác bao gồm các cấp độ giữa giáo viên và các học viên, giữa những học viên có khả năng cao hơn và các học viên khác. Khi tương tác, người học hợp tác với nhau và xây dựng ngôn ngữ, kỹ năng và kinh nghiệm cho nhau.

Ở góc độ ngôn ngữ học, rõ ràng là tương tác trong lớp học tạo ra những cơ hội cho việc sử dụng ngôn ngữ mục tiêu trong lớp học ngoại ngữ. Các nghiên cứu trong lớp học sử dụng thuyết văn hóa và xã hội đã ghi lại những bằng chứng cho thấy rằng, người học học được ngôn ngữ mục tiêu thông qua tương tác và diễn đạt ý phức tạp khi giao tiếp bằng ngôn ngữ mục tiêu. Tương tác trong lớp học ngoại ngữ có thể diễn ra ở ba kênh giao tiếp như được trình bày sau đây.

2.1. Tương tác giữa giáo viên và học viên

Sự nhân mạnh tương tác giữa giáo viên và học viên trong thuyết văn hóa xã hội xuất phát từ định nghĩa vùng phát triển gần (Zone of Proximal Development) “là vùng giới hạn giữa trình độ phát triển thực sự của người học được xác định bởi khả năng giải quyết vấn đề một cách độc lập và trình độ phát triển tiềm năng được xác định nhờ khả năng giải quyết vấn đề nhờ sự hướng dẫn, trợ giúp hay hợp tác của người khác có khả năng hơn” [Vygotsky, 1978, tr. 86]. Quan điểm vùng phát triển gần chỉ ra rằng, khi người học gặp một vấn đề vượt khả năng của mình ví dụ như chưa hiểu hết nội dung một bài đọc, chưa thể sử dụng ngôn ngữ mục tiêu, giáo viên cần nhận ra vấn đề này và sẵn sàng trợ giúp học viên thông qua giao tiếp. Sự tương tác giữa giáo viên với học viên được thực hiện qua việc hướng dẫn và dẫn dắt người học của giáo viên. Minh họa của giáo

viên là cần thiết nhằm giúp học viên giải quyết vấn đề.

Ngoài ra, giáo viên còn có vai trò hướng dẫn học viên cách thảo luận, tranh luận, xem xét giải pháp thay thế, tìm kiếm sự giải thích, đưa ra những ý khác nhau, lí giải và tạo thành những suy nghĩ mới [Gillies, 2014]. Tác giả McNeil (2012) khi nghiên cứu về lời nói của giáo viên trong lớp học ngoại ngữ đã tìm thấy rằng, giáo viên có thể sử dụng nhiều dạng câu hỏi khác nhau để giúp học viên học ngoại ngữ hay sử dụng những câu nói dài và tạo dựng kiến thức cho chủ đề bài học cùng giáo viên. Các dạng câu hỏi bao gồm câu hỏi tham khảo ý kiến, chẳng hạn như, “tại sao em nghĩ tác giả lại đưa chi tiết này vào bài học?” hay câu hỏi mà đòi hỏi người học hiểu và sử dụng ngôn ngữ mục tiêu để chiêm nghiệm suy nghĩ của mình. Những hình thức tương tác theo dạng trợ giúp, hướng dẫn này của giáo viên sẽ giúp học viên sử dụng tiềm năng của mình và phát triển khả năng sử dụng ngôn ngữ.

2.2. Tương tác giữa các học viên

Ngoài tương tác giữa giáo viên và học viên, tương tác giữa các học viên là cần thiết trong lớp học ngoại ngữ. Khi học viên tương tác với nhau, họ có thể phát triển kỹ năng, chiến lược học tập và giải quyết vấn đề một cách hữu hiệu. Trong các hoạt động giải quyết vấn đề, những học viên ít khả năng hơn làm việc với những người có khả năng hơn, sự diu dắt, chỉ dẫn thông qua việc sử dụng ngôn ngữ sẽ giúp người ít có khả năng hơn sử dụng được tiềm năng của mình. Vygotsky cho rằng, người có khả năng hơn có thể là học viên có sự hiểu biết tốt hơn và năng lực cao hơn để thực hiện một nhiệm vụ. Người có khả năng cao hơn không nhất thiết phải là giáo viên hay là người lớn tuổi hơn mà có thể là bạn học, thậm chí trẻ tuổi hơn. Điều này không có nghĩa là học viên có năng lực cao hơn sẽ không được lợi ích gì khi tương tác với những học viên ít khả năng hơn. Người có khả năng hơn luôn có thể trau

dồi và phát triển kỹ năng giải thích, hướng dẫn, sử dụng ngôn ngữ một cách hợp lý để hợp tác với các học viên mà họ muốn giúp đỡ. Ngoài ra, họ cũng có thể lĩnh hội các ý kiến, nội dung thảo luận thông qua ý kiến của người ít khả năng hơn. Sự tương tác giữa các học viên được thể hiện qua sự động viên, chỉ dẫn và minh họa trực tiếp. Ngoài ra, duy trì sự quan tâm của học viên vào các hoạt động, nhấn mạnh điểm quan trọng và duy trì hoạt động là những hoạt động của học viên.

Anton (2011) đã tổng hợp các kết quả nghiên cứu sử dụng quan điểm của thuyết văn hóa xã hội và chỉ ra rằng, khi người học giao tiếp trong các nhiệm vụ được giao, họ trao đổi và trợ giúp lẫn nhau để tạo ra những thông điệp có ý nghĩa, chính xác. Theo Gillies (2014), khi tương tác với bạn học cùng lớp, người học cùng xây dựng kiến thức và hiểu biết khi họ lắng nghe những gì các bạn khác nói, thách thức bạn cùng nhóm và cùng nhau đi đến kết luận cuối cùng.

2.3. Tương tác giữa học viên và tài liệu học

Ngoài việc nhấn mạnh tương tác giữa người học với giáo viên, bạn cùng lớp, thuyết văn hóa xã hội còn nhấn mạnh tương tác giữa người học với các tạo tác, kí hiệu của một nền văn hóa. Theo Vygotsky, sự phát triển của người học được thực hiện thông qua tương tác với môi trường học. Những tạo tác mang tính văn hóa như sách, đồ chơi, thiết bị học tập, bản đồ, sơ đồ trong lớp học,... thúc đẩy tiến trình suy nghĩ của người học. Các công cụ học tập như sách vở và máy tính là công cụ của người học thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Nghiên cứu về vấn đề này, Shabani và Ebadi (2010) đã tìm thấy rằng, tạo tác văn hóa trong lớp học trong xã hội hiện đại bao gồm kĩ thuật, các phần mềm, video, bố trí lớp học và ngay cả những tờ bài tập có chức năng trợ giúp tiến trình học tập. Các trang web, blogs, máy tính hay facebook đều có

thể kích hoạt và duy trì giao tiếp của các học viên. Tương tự, các nghiên cứu của McDonald, Lê, Higgins và Podmore (2005) đã cho thấy rằng, các học cụ trong lớp học mang lại sự thay đổi trong kiến thức và sự hiểu biết của người học. Khi có những dụng cụ học tập ví dụ như tập ghép hình, sách giáo khoa, người học phải giao tiếp để biết cần làm gì với những dụng cụ học tập. Dụng cụ học tập còn đóng chức năng kiểm soát hành vi của người học, yêu cầu người học phải chú ý và thực hiện hoạt động được giao cho.

3. Ứng dụng của thuyết văn hóa xã hội vào dạy học ngoại ngữ

Tóm lại, theo thuyết văn hóa xã hội, việc học luôn xảy ra và không thể tách rời khỏi bối cảnh xã hội. Vì vậy, giáo dục cần định hướng để người học có thể hợp tác giải quyết vấn đề, chia sẻ kết quả, thực hiện nhiệm vụ đề ra và tạo ra một cộng đồng người học. Sự nhấn mạnh vào tương tác giữa người thầy và trò, giữa các học viên với nhau, giữa học viên và các công cụ học tập của thuyết văn hóa xã hội đã được ứng dụng trong dạy học ngoại ngữ khắp toàn cầu trong bối cảnh hiện nay. Giáo viên khi phân chia nhiệm vụ theo nhóm, theo cặp cần xem xét mức độ khác nhau về năng lực của người học. Giao tiếp có sự trợ giúp chỉ dẫn của giáo viên hay học viên có khả năng hơn sẽ giúp các thành viên khác trong lớp học cùng nhau xây dựng kiến thức, sử dụng ngôn ngữ mục tiêu hiệu quả hơn. Nếu được, việc bố trí các sinh viên các lớp cao hơn để làm “trợ giảng” trong những hoạt động giao tiếp theo cặp hay nhóm trong các giờ học ngoại ngữ là hữu ích. Các sinh viên từ lớp cao hơn sẽ có cơ hội thực hành kỹ năng hướng dẫn các sinh viên ở lớp thấp hơn và cả sinh viên từ lớp cao hơn và thấp hơn sẽ có cơ hội sử dụng ngôn ngữ mục tiêu và học hỏi lẫn nhau về kiến thức dùng để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Ứng dụng thuyết văn hóa xã hội vào các lớp học ngoại ngữ ở Việt Nam, chúng ta có thể gặp phải một rào cản văn hóa đó là tính thụ động và ít nói của sinh viên. Vì vậy, người học cần được chỉ cho thấy lợi ích của việc thực tập “một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao.” Ngoài ra, các học viên nếu được, cần được huấn luyện kỹ năng hợp tác và trợ giúp sử dụng ngôn ngữ khi thực hành theo nhóm.

Trong bối cảnh hiện nay khi công nghệ được ứng dụng rộng rãi vào giáo dục, giáo viên cũng như sinh viên cần biết cách sử dụng công nghệ (ví dụ: wikispaces, facebook, websites, blogs, v.v.) như là công cụ duy trì và phát triển tương tác giữa giáo viên và học viên, giữa học viên với nhau và giữa học viên với các công cụ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anton, Marta (2011), *Interaction and negotiation in oral vs. writing pair tasks* (17-32). Report of the central states conference on the teaching of foreign languages.

2. Đỗ Bá Quý. (2010), *Tăng cường và cải thiện đầu vào trong dạy học ngoại ngữ. ULIS*.

3. Gillies, R. M. (2014), *Developments in classroom-based talk*. International Journal of Educational Research, 63, 63-68.

4. Lê Phạm Hoài Hương (2011), *Ảnh hưởng của nhà tâm lý giáo dục Vygotsky đối với việc dạy-học ngôn ngữ trên toàn cầu*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, 68, tr. 61-64.

5. McDonald, G., Lê, P.H.H., Higgins, J. & Podmore, V. (2005), *Artifacts, tools and classrooms*. Mind, culture and activity, 12(2), 113-127.

6. Phạm Quang Tiệp (2013), *Dạy học dựa vào tương tác trong đào tạo giáo viên tiểu học trình độ đại học*. Luận án tiến sĩ khoa

học giáo dục. Hà Nội: Viện Khoa học Giáo dục.

7. Shabani, K and Ebadi, S. (2010), *Vygotsky's zone of proximal development: Instructional implications and teachers' professional development*. English language teaching, 3(4), 237-248. van Compernelle, R. A., & Williams, L. (2013), *Group dynamics in the language classroom: embodied participation as active reception in the collective zone of proximal development*. Classroom Discourse, 4(1), 42-62.

8. Vygotsky, L.S. (1978), *Mind in society: The development of higher psychological processes*. Cambridge, MA: Harvard University Press.

9. Vygotsky, L.S. (1962), *Thought and language*. Cambridge, MA: MIT Press. (Original work published in 1934).

(Ban Biên tập nhận bài ngày 15-04-2014)

HỘP THƯ

Trong tháng 5/2014, *NN & ĐS* đã nhận được thư, bài của các tác giả: Nguyễn Thị Hải, Lê Minh Thảo - Đỗ Cẩm Vân, Hữu Đạt, Đào Thị Phương, Trần Hữu Quốc Huy, Trần Xuân Điệp, Nguyễn Văn Trào (Hà Nội); Nguyễn Thị Trà My - Vi Thị Điệp, Nguyễn Tú Quyên (Thái Nguyên); Nguyễn Thanh Minh (Thanh Hóa); Trần Anh Hào (Nghệ An); Nguyễn Văn Hiếu, Lê Thị Tuyết Hạnh - Lê Phạm Hoài Hương, Nguyễn Hữu Lễ (Huế); Võ Minh Hải (Quy Nhơn); Phạm Thị Thu Phương (TP HCM); Từ Bích Diệp (Trung Quốc).

Tòa soạn *NN & ĐS* xin cảm ơn sự cộng tác của quý vị và các bạn.

NN & ĐS